

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **1221** /UBND-VX  
V/v đề xuất thực hiện dự  
án thuộc Chương trình  
Nông thôn miền núi giai  
đoạn 2016 - 2025, bắt đầu  
thực hiện năm 2016.

Quảng Ngãi, ngày **21** tháng **3** năm 2016

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI

<b>CV ĐẾN</b>	Số:..... <b>2807</b> .....
	Ngày <b>22</b> tháng <b>3</b> năm <b>16</b>
	Chuyên:.....

Kính gửi: Bộ Khoa học và Công nghệ

Căn cứ Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 13/10/2015 của Thủ tướng chính phủ về việc Phê duyệt chương trình hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao tiến bộ Khoa học và Công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi, vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2025;

Căn cứ Công văn số 4717/BKH-CN ngày 03/12/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc hướng dẫn đề xuất dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi, bắt đầu thực hiện từ năm 2016;

Trên cơ sở đề xuất của Sở Khoa học và Công nghệ tại Công văn số 107/SKH-CN ngày 15/3/2016 về việc xem xét dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi giai đoạn 2016 - 2025 và đề xuất Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét thực hiện bắt đầu từ năm 2016.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đề xuất đặt hàng Bộ Khoa học và Công nghệ 02 dự án nhóm Trung ương ủy quyền địa phương quản lý thuộc Chương trình Nông thôn miền núi giai đoạn 2016 - 2025, bắt đầu thực hiện từ năm 2016 như sau:

1/ Dự án 1: Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp- nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả ở huyện Sơn Tịnh.

2/ Dự án 2: Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi lợn bản địa (*lợn Kiêng Sắt*) mang tính bền vững cho cộng đồng các dân tộc trên địa bàn vùng núi huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

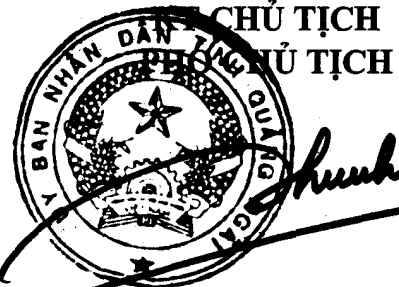
Hồ sơ gửi kèm theo Công văn này gồm:

- Phiếu đề xuất đặt hàng của 02 dự án: 02 Phiếu/2 dự án;
- Hồ sơ, thuyết minh của 02 dự án: 02 bộ/2 dự án (có kèm theo các văn bản liên quan);

- Quyết định thành lập Hội đồng của 02 dự án: 02 bản/2 dự án và Biên bản xét duyệt 02 dự án của Hội đồng khoa học và công nghệ cấp tỉnh: 02 bản/2 dự án/.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT(VX) UBND tỉnh;
- Các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ;
- UBND các huyện: Sơn Tịnh, Ba Tơ;
- VPUB: CVP, PCVP(VX), NNTN, CBTH;
- Lưu: VT, VXhmy132



**Lê Quang Thích**

**PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**

***thuộc chương trình Nông thôn miền núi***

*(Kèm theo Công văn số 1211/UBND-VX ngày 21 / 3 /2016  
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

**1. Tên dự án:**

Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi lợn bản địa (*lợn Kiềng Sắt*) mang tính bền vững cho cộng đồng các dân tộc trên địa bàn miền núi huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Mục tiêu của dự án:**

a) Mục tiêu lâu dài:

Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi lợn bản địa (*lợn Kiềng Sắt*) phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân, góp phần thực hiện thành công quá trình xây dựng nông thôn mới, đồng thời cũng góp phần bảo tồn nguồn gen lợn bản địa tại địa bàn huyện.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Chuyển giao giải pháp kỹ thuật chăn nuôi lợn bản địa và cung cấp nguồn giống chất lượng cho cộng đồng các dân tộc huyện Ba Tơ và phát triển chăn nuôi lợn bản địa theo hướng sản xuất hàng hóa trong điều kiện chăn nuôi tại nông hộ.

- Xây dựng 50 mô hình phát triển chăn nuôi lợn bản địa (*lợn Kiềng sắt*) tại nông hộ các cộng đồng dân tộc ở huyện Ba Tơ, đảm bảo vệ sinh an toàn dịch bệnh, sản phẩm thịt có chất lượng tốt, giá trị kinh tế cao và phát triển bền vững.

- Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở, tập huấn hướng dẫn các giải pháp kỹ thuật chăn nuôi lợn bản địa cho nông dân.

**3. Tính cấp thiết của dự án.**

Lợn bản địa (*lợn Kiềng Sắt*) là giống lợn đã thích nghi tốt với điều kiện thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương do được hình thành, sinh sống và chọn lọc tại địa phương từ hàng ngàn năm nay. Theo kết quả đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ "Nghiên cứu phát triển các giống lợn bản địa cho hệ thống chăn nuôi trong các trang trại kết hợp ở vùng trung du và đồi núi nhằm sản xuất thịt lợn chất lượng cao và an toàn phục vụ thị trường tiêu dùng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi" do TS. Hồ Trung Thông - Trường Đại học Nông lâm Huế làm chủ nhiệm. Giống lợn bản địa (*lợn kiềng sắt*) có sức đề kháng cao, khả năng chống chịu bệnh tốt, một số loại bệnh phổ biến ở lợn con và lợn nuôi thịt như

tiêu chảy, phó thương hàn, viêm phổi ... Nguồn thức ăn chính để chăn nuôi lợn là thức ăn thô và sẵn có ở địa phương như lang, cỏ, rau rừng, cây chuối ... (thức ăn xanh, thức ăn tinh như cám gạo, bột bắp, bột mì sử dụng với tỉ lệ thấp). Đây là nguồn thức ăn phong phú tại địa bàn huyện, rẻ tiền và dễ kiếm, phù hợp với cộng đồng các dân tộc trên địa bàn.

Chất lượng thịt lợn bản địa có màu đỏ tươi, săn chắc và ráo thịt, dư lượng hoocmon và kháng sinh không phát hiện. Sau khi chế biến thịt lợn Kiêng sắt có mùi thơm, dai, vị ngọt và tính ngon miệng cao hẳn so với các loại thịt lợn khác, đáp ứng được yêu cầu của người tiêu dùng. Đã khuyết đại thành công đa hình gen leptin và PSS ở lợn kiêng sắt, đây là dữ liệu quan trọng trong công tác phát triển lợn Kiêng sắt theo định hướng cho chất lượng thịt cao, an toàn vệ sinh thực phẩm, đồng thời là cơ sở để góp phần vào việc bảo tồn nguồn gen quý của lợn bản địa.

Đặc biệt, giá trị của lợn Kiêng Sắt theo văn hóa truyền thống của người Việt ở Quảng Ngãi nói chung và cộng đồng các dân tộc của miền núi tỉnh Quảng Ngãi nói riêng đó là lễ vật để cúng tổ tiên, tế lễ trời đất trong những dịp lễ, tết ... đã tạo nên nét văn hóa truyền thống, tốt đẹp có hàng ngàn năm nay.

Tuy nhiên, trong quá trình chăn nuôi của cộng đồng các dân tộc tại huyện Ba Tơ - tỉnh Quảng Ngãi thiếu áp dụng tiến bộ kỹ thuật như nuôi thả rông, nuôi hoang dã không kiểm soát nên đã bị giảm sút về số lượng, chất lượng, chưa tạo nên sản phẩm hàng hóa để tiêu thụ có hiệu quả trên thị trường. Trong khi đó nhu cầu sử dụng thịt lợn Kiêng Sắt trên thị trường trong và ngoài tỉnh rất lớn, hiện nay cung không đủ nhu cầu.

Dự án nhằm xây dựng mô hình phát triển bền vững chăn nuôi lợn bản địa (*lợn Kiêng Sắt*) tại địa bàn miền núi huyện Ba Tơ - tỉnh Quảng Ngãi nhằm sử dụng hiệu quả tiềm năng sẵn có của địa phương để phát triển chăn nuôi lợn bản địa phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện chăn nuôi tại cộng đồng các dân tộc, tạo sản phẩm có chất lượng cao, an toàn góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, nhằm mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện Ba Tơ, góp phần giảm nghèo nhanh, bền vững, đồng thời góp phần vào việc bảo tồn đa dạng sinh học giống vật nuôi bản địa tại địa phương.

Do đó, việc đề xuất thực hiện dự án “Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi lợn bản địa (*lợn Kiêng Sắt*) mang tính bền vững cho cộng đồng các dân tộc trên địa bàn vùng núi huyện Ba Tơ tỉnh Quảng Ngãi” là thực sự cần thiết.

#### **4. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:**

##### **a) Nội dung thực hiện chính:**

- Điều tra, khảo sát bổ sung tình hình chăn nuôi lợn bản địa trên địa bàn huyện Ba Tơ;

- Chuyên giao các giải pháp kỹ thuật chăn nuôi lợn bản địa cho các nông hộ tham gia thực hiện dự án;

- Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi lợn bản địa cho người dân.

- Xây dựng mô hình phát triển chăn nuôi lợn bản địa (*lợn Kiên sít*);

b) Dự kiến sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật chủ yếu:

- Báo cáo thực trạng chăn nuôi lợn bản địa ở địa bàn huyện Ba Tư;

- Chuyển giao được 6 giải pháp kỹ thuật chăn nuôi lợn bản địa cho các nông hộ tham gia dự án;

- Xây dựng được 50 mô hình phát triển chăn nuôi lợn bản địa tại huyện Ba Tư với 50 hộ dân tham gia. Tạo ra được đàn heo giống và nuôi thịt 2400 con, trọng lượng lúc 8 -10 tháng tuổi đạt 20 - 25kg/con.

- Đào tạo được 12 kỹ thuật viên cơ sở, tập huấn hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi lợn bản địa cho 480 lượt người dân.

- Báo cáo kết quả thực hiện mô hình;

- Báo cáo tổng kết dự án;

- Phim tư liệu;

- 01 bài báo khoa học.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện:** 36 tháng, bắt đầu thực hiện từ năm 2016.

**6. Dự kiến kinh phí:**

Tổng kinh phí: 3.000.000.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách SNKH&CN Trung ương: 1.500.000.000 đồng

- Ngân sách sự nghiệp KH&CN địa phương: 750.000.000 đồng

- Ngân sách huyện: 300.000.000 đồng.

- Nguồn khác: 450.000.000 đồng

**7. Đề xuất chủ trì và đánh giá năng lực của tổ chức chủ trì dự án:**

- Chủ trì dự án: Trạm Khuyến Nông huyện Ba Tư, tỉnh Quảng Ngãi.

- Năng lực chủ trì dự án:

+ Có nguồn nhân lực dồi dào, đội ngũ kỹ sư mạnh về chuyên môn, có bề dày kinh nghiệm trong chỉ đạo kỹ thuật xây dựng nhiều dự án, mô hình chăn nuôi, trồng trọt cấp huyện, tỉnh và cấp bộ đem lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật tốt, đáp ứng yêu cầu chuyên môn.

+ Đảm bảo khả năng huy động vốn đối ứng từ người dân.

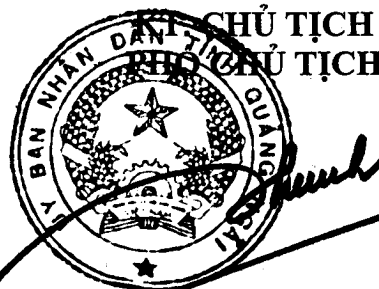
**8. Đề xuất tổ chức chuyển giao công nghệ và đánh giá năng lực của Tổ chức chuyển giao công nghệ.**

Trung tâm Thông tin và ứng dụng Khoa học - Công nghệ Quảng Ngãi

Năng lực của tổ chức chuyên giao công nghệ:

- Về nhân lực: Có đội ngũ viên chức nghiên cứu thực nghiệm làm chủ công nghệ, kinh nghiệm, đã thực hiện triển khai dự án cấp tỉnh về lĩnh vực bảo tồn, phát triển chăn nuôi lợn bản địa (*lợn Kiên Sắt*) cho cộng đồng. Đã thực hiện việc tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi lợn bản địa, cung cấp con giống lợn bản địa cho một số huyện trong địa bàn tỉnh.

- Về cơ sở vật chất: Đã hoàn chỉnh việc đầu tư xây dựng Trại thực nghiệm ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp với quy mô 16,7 ha. Trong đó phân khu chức năng nghiên cứu thực nghiệm về lĩnh vực chăn nuôi bảo tồn giống với quy mô 2,5ha./



Lê Quang Thích

**PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN**

***thuộc Chương trình Nông thôn miền núi***

*(Kèm theo Công văn số 1221/UBND-VX ngày 21 / 3 /2016  
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

**1. Tên dự án:**

Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình liên kết giữa Doanh nghiệp - Nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả tại huyện Sơn Tịnh - tỉnh Quảng Ngãi.

**2. Mục tiêu:**

Nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị đất canh tác và sản xuất bền vững đối với cây ngô ở huyện Sơn Tịnh, góp phần thúc đẩy tiến trình tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

**3. Tính cấp thiết của Dự án**

Tổng diện tích gieo trồng lúa hàng năm của huyện Sơn Tịnh trên 8.000 ha và được gieo trồng trên các loại đất phù sa, đất bạc màu và đất xám. Các loại đất có đặc điểm lý tính và địa hình phân bố chẳng những phù hợp để trồng lúa, mà còn thích hợp để gieo trồng các loại cây trồng cạn, trong đó có cây ngô. Chính vì vậy, để thực hiện thành công chủ trương tái cơ cấu ngành nông nghiệp, một trong những giải pháp quan trọng được huyện Sơn Tịnh xác định là chuyển đổi trồng ngô trên đất lúa nhằm nâng cao giá trị gia tăng trên đơn vị đất canh tác, với diện tích dự kiến chuyển đổi đến năm 2020 khoảng 1.000 ha. Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện đã và đang gặp phải những khó khăn: Kỹ thuật canh tác ngô hiện có của vùng dự án chủ yếu được ứng dụng trên đất phù sa bồi ven sông (đất chuyên màu); Sản phẩm ngô sau thu hoạch được tiêu thụ qua hệ thống thương lái, chưa có doanh nghiệp đảm bảo tiêu thụ sản phẩm lâu dài và ổn định cho người dân. Các hạn chế trên đã làm chậm tiến trình chuyển đổi trồng ngô trên đất lúa kém hiệu quả của huyện Sơn Tịnh.

Do đó, việc đề xuất xây dựng mô hình liên kết giữa Doanh nghiệp - Nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả tại huyện Sơn Tịnh sẽ là cơ sở và nền tảng để thực hiện thành công việc chuyển đổi trồng ngô trên đất lúa kém hiệu quả của huyện Sơn Tịnh.

**4. Các nội dung chính và kết quả dự kiến:**

**4.1. Nội dung:**

- Điều tra bổ sung hiện trạng canh tác, sơ chế bảo quản sau thu hoạch và phương thức tiêu thụ sản phẩm đối với cây ngô ở huyện Sơn Tịnh.

- Xây dựng mô hình chuỗi liên kết giữa Doanh nghiệp - HTX Dịch vụ Nông nghiệp (đã chuyển đổi theo Luật HTX năm 2013) - Nông dân trong sản xuất, thu hoạch, sơ chế bảo quản và tiêu thụ ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi tại huyện Sơn Tịnh, bao gồm các hoạt động sau:

+ Thiết lập mối liên kết giữa Doanh nghiệp - HTX Dịch vụ Nông nghiệp (đã chuyển đổi theo Luật HTX năm 2013) - Nông dân để phát triển sản xuất, thu hoạch, sơ chế bảo quản và tiêu thụ ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi.

+ Nâng cấp tiềm lực của các Hợp tác xã Dịch vụ Nông nghiệp tham gia trong chuỗi liên kết;

+ Xây dựng mô hình trồng thâm canh ngô thương phẩm trên đất lúa kém hiệu quả để làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi.

+ Xây dựng mô hình thu hoạch, sơ chế bảo quản và bao tiêu ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi (*sản phẩm từ mô hình thâm canh*).

- Đào tạo kỹ thuật viên cơ sở, tập huấn và Hội nghị.

#### **4.2. Dự kiến kết quả đạt được:**

- Báo cáo phân tích hiện trạng canh tác ngô ở huyện Sơn Tịnh.

- Tài liệu hướng dẫn kỹ thuật trồng thâm canh ngô trên đất lúa kém hiệu quả và hướng dẫn kỹ thuật thu hoạch và sơ chế ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi.

- Mô hình liên kết giữa Doanh nghiệp - Nông dân trong việc trồng thâm canh ngô thương phẩm trên đất lúa kém hiệu quả, quy mô 160 ha/2 năm, năng suất ngô đạt 70 tạ/ha, hiệu quả kinh tế tăng 25% so với canh tác lúa.

- Mô hình liên kết giữa Doanh nghiệp - Nông dân trong thu hoạch, sơ chế bảo quản và tiêu thụ ngô thương phẩm, quy mô 1.000 tấn/kỳ dự án (toàn bộ sản phẩm được nhập cho nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi đóng trên địa bàn tỉnh Bình Định).

- Tiềm lực của các HTX Dịch vụ nông nghiệp trong chuỗi liên kết được nâng cao về công cụ và máy móc phục vụ sản xuất và sơ chế sau thu hoạch (máy cày, hệ thống sấy, máy tách hạt, máy làm đất,...).

- Đào tạo được 30 kỹ thuật viên cơ sở và tập huấn, hội nghị cho 800 lượt người tham dự.

**5. Dự kiến thời gian thực hiện:** 30 tháng, bắt đầu từ năm 2016

**6. Dự kiến kinh phí (từ ngân sách sự nghiệp KH&CN của trung ương, đối ứng từ ngân sách địa phương và nguồn khác):**

Tổng kinh phí thực hiện dự án: 6.852,0 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách sự nghiệp khoa học trung ương: 2.664,0 triệu đồng.



- + Ngân sách sự nghiệp khoa học địa phương: 1.095,5 triệu đồng.
- + Ngân sách huyện Sơn Tịnh: 530,0 triệu đồng.
- + Nguồn vốn của dân: 2.561,6 triệu đồng.

**7. Đề xuất Tổ chức chủ trì và đánh giá năng lực của Tổ chức chủ trì:**

- Tổ chức chủ trì dự án: Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Sơn Tịnh.

- Đây là đơn vị quản lý Nhà nước về nông nghiệp trên địa bàn huyện Sơn Tịnh, với 7 cán bộ có trình độ đại học liên quan đến lĩnh vực của dự án, thường xuyên tiếp nhận các TBKT trong lĩnh vực nông nghiệp để chỉ đạo sản xuất và đầy đủ năng lực để vận động nông dân tham gia dự án đóng góp công lao động cũng như vật tư đối ứng để thực hiện dự án.

**8. Đề xuất Tổ chức chuyên giao công nghệ và đánh giá năng lực của Tổ chức chuyên giao công nghệ:**

- Tổ chức CGCN: Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Duyên hải Nam Trung bộ.

- Đây là đơn vị nghiên cứu trong lĩnh vực nông nghiệp trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đứng chân trên địa bàn các tỉnh vùng duyên hải nam Trung bộ (DHNTB), là đơn vị trực tiếp nghiên cứu và xây dựng các mô hình chuyển đổi trồng ngô trên đất lúa kém hiệu quả ở các tỉnh DHNTB. Do vậy, đơn vị chuyên giao làm chủ công nghệ./.


  
**CHỦ TỊCH**  
**CHỦ TỊCH**  
 Lê Quang Thích